

MÔN NGŨ VĂN KHỐI 6

TUẦN 8- BÀI 3: VẼ ĐẸP QUÊ HƯƠNG

A. TRI THỨC NGŨ VĂN

I. Tri thức đọc - hiểu

1. Thơ lục bát

- Khái niệm: *Lục bát* là thể thơ có từ lâu đời của dân tộc Việt Nam. Một cặp câu lục bát gồm 1 dòng 6 tiếng (dòng lục) và 1 dòng 8 tiếng (dòng bát).

Đặc điểm của thơ lục bát	
Số tiếng	+ Câu lục: 6 tiếng + Câu bát: 8 tiếng
Cách gieo vần	Tiếng thứ 6 của câu “lục” vần với tiếng thứ 6 của câu “bát”, tiếng thứ 8 của câu “bát” vần với tiếng thứ 6 của câu “lục” tiếp theo.
Ngắt nhịp	Thường được ngắt theo nhịp chẵn (ví dụ như 2/2/2, 2/4/2, 4/4)
Thanh điệu	+ Các tiếng ở vị trí 1, 3, 5, 7 phải thanh tự do. + Các tiếng ở vị trí 2, 4, 6, 8 phải tuân thủ chặt chẽ theo quy định : tiếng thứ 2 là thanh bằng (kí hiệu là B), tiếng thứ 4 là thanh trắc (kí hiệu là T); riêng trong dòng bát, nếu tiếng thứ 6 là thanh bằng (ngang) thì tiếng thứ 8 phải là thanh bằng (huyền) và ngược lại.

Hình ảnh	- Là một yếu tố quan trọng của thơ, giúp người đọc “nhìn” thấy, tưởng tượng cái mà nhà thơ miêu tả, cảm nhận qua các giác quan như: thính giác, khứu giác, vị giác, thị giác, xúc giác.
Tính biểu cảm của văn bản văn học	- Là khả năng văn bản gợi cho người đọc những cảm xúc vui, buồn, yêu, ghét

2. Lục bát biến thể

Lục bát biến thể là thể thơ lục bát được biến đổi về số tiếng, cách gieo vần, cách ngắt nhịp, cách phối hợp bằng trắc trong các dòng thơ.

PHIẾU HỌC TẬP 1

Đồng Đăng có phố Kỳ Lừa

Có nàng Tô Thị, có chùa Tam Thanh

Ai lên xứ Lạng cùng anh

Tiếc công bác mẹ sinh thành ra em

Tiếng Câu	1	2	3	4	5	6	7	8
lục								
bát								
lục								
bát								

- + Ghi tiếng ở vị trí 2-4-6-8 của các câu trong **đoạn thơ** vào mô hình
- + Nhận xét về tiếng thứ 6 của dòng lục và tiếng thứ 6 của dòng bát tiếng thứ 8 của dòng bát và tiếng thứ 6 của dòng lục tiếp theo.
- + Đọc đoạn thơ, xác định vị trí ngừng, nghỉ ở từng dòng thơ, ghi kí hiệu bằng dấu /
- + Nhìn vào mô hình, nhận xét về thanh điệu của các tiếng ở vị trí 2-4-6-8; các tiếng ở vị trí 1-3-5-7

PHIẾU HỌC TẬP 2

Ghi các ví dụ sau vào mô hình và nhận xét (về thanh điệu bằng trắc, cách gieo vần, ngắt nhịp...)

a. Công cha như núi Thái Sơn
Nghĩa mẹ như nước trong nguồn chảy ra

b. Mai cốt cách, tuyết tinh thần
Mỗi người một vẻ, mười phân vẹn mười

c. Con cò mà đi ăn đêm
Đậu phải cành mềm lộn cổ xuống ao

Tiếng Câu	1	2	3	4	5	6	7	8	Nhận xét
a. Lục									
a. Bát									
b. Lục									
b. Bát									
c. Lục									
c. Bát									

II. Trải nghiệm cùng văn bản

Văn bản 1: NHỮNG CÂU HÁT DÂN GIÀN VỀ

VỀ ĐẸP QUÊ HƯƠNG

(2 tiết)

1. Chuẩn bị đọc

2. Trải nghiệm cùng văn bản

- Tưởng tượng

3. Suy ngẫm và phản hồi

a. Bài ca dao 1:

- Bức tranh phố phường Thăng Long

+ Tên phố: Hàng Bò, Hàng Bạc, Hàng Gai...

-> Tên phố thường gắn liền với đặc trưng nghề nghiệp

- *Tình cảm của tác giả dân gian: tự hào, tình cảm lưu luyến, tiếc nuối “nhớ cảnh ngân nga”. Yêu Thăng Long- vùng đất ngàn năm văn hiến.*

b. Bài ca dao 2:

- Giới thiệu về truyền thống giữ nước của dân tộc
- Hình thức: Lời hỏi - đáp của chàng trai và cô gái.
- *Cảm xúc của tác giả dân gian: tự hào về truyền thống đánh giặc giữ nước, thể hiện tình yêu đối với quê hương đất nước.*

c. Bài ca dao 3:

- Vẻ đẹp của vùng đất Bình Định:
 - + “núi Vọng Phu”: ca ngợi lòng thủy chung, son sắt của người phụ nữ
 - + “đầm Thị Nại”: danh lam thắng cảnh, di tích lịch sử, gợi nhắc chiến công lừng lẫy của nghĩa quân Tây Sơn, Bình Định
 - + “cù lao Xanh”: cảnh sắc thiên nhiên tươi đẹp
 - + “bí đỏ nấu canh nước dừa -> món ăn dân dã nhưng mang đặc trưng riêng
 - Biện pháp tu từ: điệp từ “có” trong câu lục bát “Bình Định có núi Vọng Phu/ Có đầm Thị Nại, có cù lao Xanh.”
- **Nhấn mạnh những nét đẹp đặc trưng của Bình Định và thể hiện lòng tự hào của tác giả dân gian về mảnh đất quê hương.**
- Đặc điểm thể thơ lục bát qua bài ca dao

<i>Đặc điểm thể loại thơ lục bát</i>	<i>Biểu hiện trong bài ca dao số 3</i>
<i>Số dòng thơ</i>	4 dòng (2 dòng lục, 2 dòng bát)
<i>Số tiếng trong từng dòng</i>	Mỗi dòng lục có 6 tiếng, mỗi dòng bát có 8 tiếng
<i>Vần trong các dòng thơ</i>	Phu - cù; Xanh - anh - canh
<i>Nhịp thơ của từng dòng</i>	Dòng 1: 2/4 Dòng 2: 4/4 Dòng 3: 4/2 Dòng 4: 4/4

d. Bài ca dao 4:

- “ Cá tôm sẵn bắt, lúa trời sẵn ăn ” → Những hình ảnh thể hiện sự trù phú về sản vật mà thiên nhiên đã hào phóng ban tặng cho vùng Đồng Tháp Mười.
- Tình cảm của tác giả: tự hào về sự giàu có, trù phú của thiên nhiên vùng sông nước.

4. Tổng kết

a. Vẻ đẹp của quê hương

- Bốn bài ca dao đã thể hiện được vẻ đẹp của quê hương từ Bắc tới Nam: vẻ đẹp thiên nhiên, cảnh vật; vẻ đẹp con người, truyền thống yêu nước, đấu tranh chống giặc ngoại xâm, vẻ đẹp văn hoá của các vùng miền

=> Qua đó tác giả dân gian thể hiện niềm tự hào, tình yêu quê hương, đất nước.

b. Những hình ảnh độc đáo trong ca dao

Bài ca dao	Từ ngữ, hình ảnh độc đáo	Giải thích
1	Phồn hoa thứ nhất Long Thành/ Phố giăng mắc cửi, đường quanh bàn cờ.	Câu thơ gợi lên hình ảnh kinh thành Thăng Long đông đúc, nhộn nhịp, tập nập đường xá.
2	Sâu nhất là sông Bạch Đằng/ Ba lần giặc đến, ba lần giặc tan.	Thể hiện được vẻ đẹp và lòng tự hào về lịch sử quê hương.
3	Có đầm Thị Nại, có cù lao Xanh	Câu ca dao gợi đến những danh thắng gắn liền với lịch sử đấu tranh của dân tộc đồng thời thể hiện lòng tự hào về những cảnh đẹp quê hương.
4	Tôm sẵn bắt, trời sẵn ăn	Hình ảnh thể hiện sự trù phú, giàu có của thiên nhiên ban tặng người dân Tháp Mười.

Văn bản 2

VIỆT NAM QUÊ HƯƠNG TA

– Nguyễn Đình Thi –

1. Chuẩn bị đọc
2. Trải nghiệm cùng văn bản

- Tưởng tượng
- Liên hệ

3. Suy ngẫm và phản hồi
- a. Cách gieo vần, ngắt nhịp ở 4 câu thơ đầu

PHIẾU HỌC TẬP số 1

Điền vào mô hình sau để xác định cách gieo vần và ngắt nhịp của 4 câu thơ đầu

Việt Nam đất nước ta ơi
Mênh mông biển lúa đâu trời đẹp hơn
Cánh cò bay là rập rờn
Mây mờ che đỉnh Trường Sơn sớm chiều.

Tiếng Câu	1	2	3	4	5	6	7	8	Nhịp
Lục									
Bát									
Lục									
Bát									

- b. Vẽ đẹp cảnh sắc quê hương

	Xác định	Tác dụng	Tình cảm của tác giả
--	----------	----------	----------------------

Những hình ảnh tiêu biểu	- "mênh mông biển lúa" - "cánh cò bay lả rập rờn". - "mây mờ che đỉnh Trường Sơn".	- Gợi ra sự trù phú, giàu đẹp. - Gợi ra vẻ đẹp nên thơ, bình dị. - vẻ đẹp vừa thanh bình, yên ả, vừa hùng vĩ của đỉnh Trường Sơn.	Tình yêu quê hương đất nước tha thiết, mãnh liệt; đồng thời thể hiện niềm tự hào về vẻ đẹp của đất nước.
Biện pháp tu từ	- Nhân hóa: “ơi” - So sánh: “mênh mông biển lúa đâu trời đẹp hơn” - Đảo ngữ: mênh mông biển lúa	- Coi đất nước như một con người, làm cho đất nước hiện lên gần gũi, thân thuộc. - Đất nước mình là đẹp nhất, không nơi nào đẹp hơn. - Nhấn mạnh sự rộng lớn.	

c. Vẻ đẹp của con người Việt Nam

	Hình ảnh, từ ngữ	Tác dụng của hình ảnh, từ ngữ	Biện pháp tu từ	Tình cảm của tác giả
Vẻ đẹp thứ 1 (khổ 1)	+ “Mặt người vất vả in sâu” + "chịu nhiều thương đau" + "áo nâu nhuộm bùn."	Cần cù, chịu thương chịu khó, giản dị	- phóng đại “chìm trong máu lửa” - so sánh “tay người như có phép tiên”	- Niềm tự hào về vẻ đẹp của con người VN. - Lòng biết ơn - Tình yêu quê hương đất nước tha thiết, mãnh liệt.
Vẻ đẹp thứ 2 (khổ 2)	“ Chìm trong máu lửa vùng đứng lên”; “Đạp quân thù xuống đất đen” ; “ hiên như xưa ”	Kiên cường, mạnh mẽ, anh hùng nhưng cũng rất đổi hiền lành		

Vẻ đẹp thứ 1 (khổ 3)	“ Yêu trọn tấm lòng thủy chung ”	Hồn nhiên, thủy chung, son sắt, trọng nghĩa tình		
Vẻ đẹp thứ 4 (khổ cuối)	Tay người như có phép tiên; trên tre lá dật nghìn bài thơ	Khéo léo, tài hoa, tỉ mỉ, sáng tạo, chăm chỉ		

d. Bài học về cách nghĩ và cách ứng xử của bản thân

- Trách nhiệm:
- + Yêu mến, quý trọng, biết ơn các thế hệ cha ông đã xây dựng và bảo vệ đất nước
- + Tự hào về vẻ đẹp của đất nước, con người Việt Nam
- + Kế thừa, phát huy những mặt tích cực
- + Giới thiệu, quảng bá quê hương đất nước cho bạn bè
- + Ra sức học tập, rèn luyện để trở thành người có ích...

4. Tổng kết

a. Nội dung: Bài thơ ca ngợi vẻ đẹp thiên nhiên cũng như con người Việt Nam.

b. Nghệ thuật: Thể thơ lục bát kết hợp những biện pháp nghệ thuật so sánh, ẩn dụ, nói quá.

PHIẾU HỌC TẬP số 2

Hoàn thành sơ đồ tư duy



..... Độc kết nối chủ điểm

VỀ BÀI CA DAO “ ĐỨNG BÊN NI ĐỒNG, NGÓ BÊN TÊ ĐỒNG...”

– *Bùi Mạnh Nhị* –

1. Trải nghiệm cùng văn bản

- Đọc to, trôi chảy

2. Suy ngẫm và phản hồi

a. Hình ảnh trong bài cao dao

- + Cánh đồng lúa bao la, trù phú, tốt tươi, đầy sức sống.
- + Vẻ đẹp của người con gái thon thả, mảnh mai, duyên dáng và đầy sức sống.
- ⇒ Hai hình ảnh cánh đồng và cô gái đã hợp thành bức tranh đồng quê đầy tươi sáng, sinh động.

b. Nét độc đáo của bài ca dao

- Nghệ thuật độc đáo: hai dòng đầu được kéo dài tới 12 tiếng, sử dụng nhiều biện pháp tu từ như đối xứng, điệp ngữ, điệp từ, ngôn ngữ mang màu sắc địa phương.

- Có nhiều cách hiểu khác nhau về ý nghĩa của hai dòng cuối: có thể là lời của cô gái nhưng cũng có thể là lời của chàng trai.

c. Cảm xúc của tác giả

- Yêu mến, trân trọng vẻ đẹp thiên nhiên và con người quê hương

- Bất ngờ, thú vị bởi sự sâu sắc của bài thơ

PHIẾU HỌC TẬP

Hình thức	Từ ngữ, hình ảnh	Biện pháp tu từ	Tác dụng

- Hình thức (số tiếng) trong bài ca dao trên có gì khác thường ?
- Tìm và chỉ ra nét độc đáo của bài ca dao được thể hiện qua từ ngữ, hình ảnh, biện pháp tu từ ?
- Hãy cho biết tác dụng của biện pháp nghệ thuật trong bài ca dao đó ?